
LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 41

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY: BA GIÁ

KINH: Bấy giờ, Phật bảo Tuệ mạng Tu-bồ-đề: Ông hãy dạy Bát-nhã Ba-la-mật cho các Bồ-tát ma-ha-tát, như các Bồ-tát ma-ha-tát đáng được thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật đa.

Liền khi ấy, các Bồ-tát ma-ha-tát và đại đệ tử Thanh-văn, chư thiên v.v... khởi niệm rằng: Tuệ mạng Tu-bồ-đề dùng sức trí tuệ của mình sẽ nói Bát-nhã Ba-la-mật cho các Bồ-tát ma-ha-tát ư? Hay là nhờ sức Phật?

Tuệ mạng Tu-bồ-đề biết tâm các Bồ-tát ma-ha-tát, các đệ tử, chư thiên, liền nói với Tuệ mạng Xá-lợi-phất rằng: Đệ tử Phật dám thuyết pháp, giáo thọ, đều nhờ Phật lực. Phật thuyết pháp không trái với pháp tướng. Các thiện nam tử học pháp ấy, được chứng pháp ấy. Phật thuyết pháp như đèn truyền chiếu. Xá-lợi-phất! Hết thấy Thanh-văn, Bích-chi Phật, thật không có năng lực thuyết Bát-nhã Ba-la-mật cho các Bồ-tát ma-ha-tát.

Bấy giờ Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Thế Tôn nói Bồ-tát, danh tự Bồ-tát. Pháp gì gọi là Bồ-tát? Bạch Thế Tôn! Chúng con không thấy pháp gọi là Bồ-tát, làm sao dạy cho Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bát-nhã Ba-la-mật cũng chỉ có danh tự gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng chỉ là danh tự. Danh tự ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

Tu-bồ-đề! Ví như nói tên ngã do hòa hợp mà có. Tên ngã ấy không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, như các danh tự chúng sinh, thọ mạng, sinh giả, dưỡng dục, chúng số, người, kẻ làm, kẻ khiến làm, kẻ khởi dạy, kẻ khiến khởi dạy, kẻ thọ, kẻ khiến thọ, kẻ biết, kẻ thấy v.v... là pháp do hòa hợp nên có. Các danh tự ấy không sinh không

diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Bát-nhã Ba-la-mật đa, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu-bồ-đề! Ví như thân do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu-bồ-đề! Ví như sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu-bồ-đề! Ví như mắt, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Mắt ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói; sắc cho đến pháp cũng như vậy. Nhãn giới do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, cho đến ý thức giới cũng như vậy. Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự để nói. Danh tự ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

Tu-bồ-đề! Ví như nội thân, gọi là đầu, chỉ có danh tự; gọi là cổ, vai, tay lưng, gân, bắp vế, xương đùi, cẳng chân, là do hòa hợp nên có. Pháp ấy và danh tự không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự để nói; danh tự ấy cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy cũng không sinh không diệt, không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

Tu-bồ-đề! Ví như ngoại vật cỏ, cây, cành, lá, cọng, mắt, tất cả vật ấy chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy và danh tự, cũng không sinh không diệt, chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa. Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có; pháp ấy và danh tự, cũng không sinh không diệt, chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa.

Tu-bồ-đề! Ví như quá khứ chư Phật, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy cũng chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải ở giữa. Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy.

Tu-bồ-đề! Ví như mộng, tiếng vang, bóng, huyễn, sóng năng, việc biến hóa của Phật, đều là hòa hợp nên có, chỉ dùng danh tự để nói; pháp

ấy và danh tự, không sinh không diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa. Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát cũng như vậy.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, giả đặt ra danh, giả đặt ra thọ, giả đặt ra pháp, như vậy nên học.

LUẬN: Hỏi: Phật đã nói các Bồ-tát ma-ha-tát có phước đức, trí tuệ, lợi căn hơn các Thanh-văn, cớ sao lại sai Tu-bồ-đề thuyết?

Đáp: Trong chương Tương lữ ở trước đã nói, do có hai nhân duyên nên Phật sai khiến Tu-bồ-đề thuyết.

Lại nữa, Phật có oai đức tôn trọng, vì tâm kính sợ không dám hỏi Phật, sợ không tự mình hỏi hết.

Lại nữa, Phật biết tâm chúng có nghi, vì chúng sinh kính sợ Phật, không dám phát ra lời hỏi. Vì sao? Vì chúng sinh thấy thân Phật như núi Tu-di, lữ ba ngàn đại thiên thế giới, thân xuất ra vô lượng các thứ ánh sáng, khi ấy chúng hội, tâm đều kính sợ, không dám phát ra lời hỏi, mỗi mỗi tự nghĩ: Ta sẽ làm sao theo Phật nghe pháp? Vì vậy, Phật sai Tu-bồ-đề thuyết pháp cho chúng và nói: Ông thuyết pháp đều là do Phật lực, như trong Kinh nói.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật có hai thứ: Một là thuyết chung cho cả Thanh-văn, Bồ-tát, hai là chỉ thuyết cho pháp thân Bồ-tát. Vì tạp thuyết nên sai Tu-bồ-đề trước hết, rồi đến Di-lặc, Xá-lợi-phất, Thích-đề-hoàn-nhơn.

Khi ấy, chúng hội nghe Phật sai Tu-bồ-đề thuyết, tâm đều kinh nghi. Tu-bồ-đề biết tâm mọi người, nên nói với Xá-lợi-phất v.v...hết thầy Thanh-văn thuyết được, biết được, đều nhờ Phật lực. Chúng ta sẽ thừa oai lực Phật thuyết pháp; ví như người truyền ngữ. Vì cớ sao? Vì Phật thuyết pháp không trái với pháp tướng. Các đệ tử học pháp ấy được chứng ngộ, có dám nói gì đều nhờ Phật lực. Điều chúng ta nói, tức là Phật nói. Vì cớ sao? Vì hiện tại ở trước Phật mà thuyết, chứ chúng ta tuy có mắt trí tuệ, nếu không gặp Phật pháp, thì không thấy gì; ví như đêm đi đường hiểm, không có người cầm đèn, thì không qua được. Phật cũng như vậy, nếu không lấy đèn trí tuệ chiếu soi chúng ta, thì chúng ta không thấy gì.

Lại nói với Xá-lợi-phất: Hết thầy Thanh-văn, Bích-chi Phật còn không có sức có thể nói Bát-nhã Ba-la-mật cho các Bồ-tát, huống tôi, một người. Vì cớ sao? Vì trí tuệ Bồ-tát rất sâu, hỏi đáp sâu xa; các pháp thiển cận khác, đối trước Bồ-tát nói ra còn khó, huống gì pháp sâu xa; như người có thể ăn một học cơm mà đi theo xin người chỉ có một đấu

cơm để trừ đói, thì không thể trừ được. Vì vậy nên nói Thanh-văn, Bích-chi Phật không có sức có thể nói Bát-nhã cho các Bồ-tát. Tu-bồ-đề nói rõ Bồ-tát tôn quý, Phật cũng nhận như vậy. Nay Tu-bồ-đề muốn thuyết pháp thật tướng nên nói: Trong hết thấy pháp tìm Bồ-tát không thể có được, vì Bồ-tát không thể có được nên danh tự Bồ-tát cũng không thể có được. Vì Bồ-tát, danh tự Bồ-tát không thể có được nên Bát-nhã Ba-la-mật cũng không thể có được. Ba việc ấy không thể có được, ta làm sao dạy Bát-nhã Ba-la-mật cho Bồ-tát?

Hỏi: Phật sai Tu-bồ-đề thuyết Bát-nhã cho các Bồ-tát, mà Tu-bồ-đề nói không có Bồ-tát, là trái với Phật, sao Phật tán đồng?

Đáp: Có hai cách: Một là tâm chấp trước mà nói, hai là tâm không chấp trước mà nói. Nay Tu-bồ-đề dùng tâm không chấp trước mà nói Không, Phật không quở trách.

Lại nữa, Tu-bồ-đề thường thực hành Tam-muội Không, biết các pháp là không, nên Phật bảo Tu-bồ-đề thuyết Bát-nhã Ba-la-mật cho các Bồ-tát, mà Bồ-tát lại rất ráo không; thế nên Tu-bồ-đề kinh ngạc nói: Làm sao có Bồ-tát? Phật liền thuật thành: Bồ-tát như vậy từ khi phát tâm lại đây cho đến khi thành Phật đạo, đều rất ráo không, nên không thể có được. Nếu dạy như vậy, tức là dạy Bát-nhã Ba-la-mật cho Bồ-tát.

Lại nữa, phàm có hai pháp: 1. Danh tự, 2. Nghĩa của danh tự. Như lửa có thể chiếu sáng, có thể đốt là nghĩa của nó. Chiếu sáng là tạo sắc, đốt lửa là hỏa đại (đất, nước, gió, lửa là bốn đại năng tạo; sắc, hương, vị, xúc là bốn đại sở tạo – ND). Hai pháp ấy hợp lại gọi là lửa. Nếu lửa hai pháp ấy có lửa, lại phải nên có công dụng thứ ba. Song trừ đốt trừ chiếu sáng lại không có công dụng thứ ba, nên biết hai pháp hòa hợp giả gọi là lửa; tên lửa ấy không ở trong hai pháp, vì sao? Vì pháp có hai, mà lửa là một, một không làm hai, hai không làm một. Nghĩa là hai danh pháp không hợp nhau. Vì cớ sao? Vì nếu hai pháp hợp làm một, thì khi nói lửa lẽ phải bị cháy miệng; nếu hai pháp lìa nhau, thì khi tìm lửa lẽ đáng được nước. Có các nhân duyên như vậy, biết lửa không ở trong hai pháp. Nhưng nếu lửa lìa ngoài hai pháp thì khi nghe tên lửa, không nên ở nơi hai pháp sinh tưởng lửa. Nhưng nếu lửa ở chặng giữa hai pháp, thì không có chỗ nương tựa. Hết thấy pháp hữu vi, đều không có chỗ nương tựa, nếu ở trung gian thì không thể biết! Vì vậy, lửa không ở ba chỗ, chỉ có tên giả. Bồ-tát cũng như vậy, do hai pháp là danh, và pháp hòa hợp nên gọi là Bồ-tát. Việc sắc khác, việc danh khác, nếu quyết định có Bồ-tát thì nên lại có việc thứ ba, nhưng không có việc ấy, nên biết giả gọi là Bồ-tát. Danh tự Bồ-tát cũng như vậy không ở trong, không ở ngoài,

không ở chặng giữa. Trong đây Phật nói thí dụ, như năm uẩn hòa hợp gọi là ngã, mà thật ngã không thể có được. Chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy đều là pháp giả danh do năm uẩn nhân duyên hòa hợp sinh. Các pháp ấy thật không sanh không diệt, thế gian chỉ dùng danh tự để nói. Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, đều là pháp giả danh do nhân duyên hòa hợp. Trong đây Phật lại nói thí dụ.

Có người nói, do năm uẩn hòa hợp có chúng sinh, nên chúng sinh không, nhưng có pháp năm uẩn, Phật nói chúng sinh không, năm uẩn cũng do hòa hợp nên giả gọi là có. Mười hai xứ, mười tám xứ cũng như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát có hai hạng: 1. Tọa thiền, 2. Tụng kinh. Hạng tọa thiền thường quán thân do các phần xương v.v... hòa hợp, giả gọi là thân, tức lấy cảnh sở quán ấy làm thí dụ, mà biết rằng phần xương đầu hòa hợp nên gọi là đầu, phần xương chân hòa hợp nên gọi là chân; xương đầu xương chân v.v... hòa hợp nên gọi là thân, mỗi mỗi truy tìm, đều không có căn bản. Vì cố sao? Vì đây là điều thường tập, thường quán nên lấy đó làm thí dụ.

Hạng không tọa thiền thì lấy cây, cỏ, cành, lá, hoa, trái làm thí dụ. Như chữ Phật quá khứ, cũng chỉ có danh tự, dùng danh tự ấy có thể thuyết giảng. Mười thí dụ cũng chỉ có danh tự. Nghĩa Bồ-tát cũng như vậy. Nghĩa mười thí dụ như trước đã nói.

Bồ-tát nên học ba thứ Ba-la-nhiếp-đề như vậy: 1. Pháp năm uẩn v.v... ấy là pháp Ba-la-nhiếp-đề. 2. Năm uẩn nhân duyên hòa hợp nên gọi là chúng sinh; các xương hòa hợp nên gọi là xương đầu; như gốc, cành, nhánh, lá hòa hợp nên gọi là cây; ấy là thọ Ba-la-nhiếp-đề. 3. Dùng danh tự ấy, chấp thủ tướng hai pháp, nói là hai thứ; ấy là danh tự Ba-la-nhiếp-đề.

Lại nữa, các vi trần hòa hợp nên có pháp thô sinh ra, như vi trần hòa hợp nên có sắc thô, ấy là pháp Ba-la-nhiếp-đề, vì từ pháp có pháp. Pháp thô ấy hòa hợp mà có tên gọi, như do vì hay đốt hay chiếu sáng nên có tên gọi là lửa; do danh và sắc nên có người, danh và sắc là pháp, người là tên giả, ấy là thọ Ba-la-nhiếp-đề. Vì chấp thủ sắc, chấp thủ danh nên gọi là thọ. Bên cạnh nhiều danh tự lại có nhiều danh tự; như bên cạnh danh tự cột, kèo, ngói v.v... lại có danh tự nhà; như bên cạnh danh tự cành, lá có danh tự cây; ấy là danh tự Ba-la-nhiếp-đề.

Hành giả trước hết phá danh tự Ba-la-nhiếp-đề, đến phá thọ Ba-la-nhiếp-đề, sau phá thọ Ba-la-nhiếp-đề đến phá pháp Ba-la-nhiếp-đề. Phá pháp Ba-la-nhiếp-đề là đến trong thật tướng các pháp. Thật tướng

các pháp chính là các pháp và danh tự Không Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật không thấy danh tự sắc là thường, không thấy danh tự thọ, tưởng, hành, thức là thường; không thấy danh tự sắc vô thường, không thấy danh tự thọ tưởng hành thức vô thường; không thấy danh tự sắc vui; không thấy danh tự sắc khổ, không thấy danh tự sắc ngã, không thấy danh tự sắc vô ngã; không thấy danh tự sắc không, không thấy danh tự sắc vô tướng, không thấy danh tự sắc vô tác, không thấy danh tự sắc tịch diệt; không thấy danh tự sắc nhớ, không thấy danh tự sắc sạch; không thấy danh tự sắc sinh, không thấy danh tự sắc diệt; không thấy danh tự sắc trong, không thấy danh tự sắc ngoài, không thấy danh tự sắc ở chặng giữa; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nhãn và sắc, nhãn thức, nhãn xúc, nhãn duyên nhãn và xúc sinh ra các thọ, cho đến ý và pháp, ý thức, ý xúc, nhãn duyên ý và xúc sinh ra các thọ cũng như vậy. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, danh tự Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, nơi tánh hữu vi cũng không thấy, nơi tánh vô vi cũng không thấy. Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, đều không khởi phân biệt pháp ấy. Bồ-tát ấy thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, trú trong pháp bất hoại, khi tu Bốn niệm xứ, không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy danh tự Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy Bồ-tát, không thấy danh tự Bồ-tát. Cho đến khi tu mười tám pháp không chung, không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy danh tự Bát-nhã Ba-la-mật; cũng không thấy Bồ-tát, không thấy danh tự Bồ-tát. Như vậy, Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, chỉ biết thật tướng các pháp, thật tướng các pháp là không nhớ không sạch.

Như vậy, Tu-bồ-đề ! Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết ấy là danh tự giả đặt ra; biết danh tự giả rồi, không chấp trước sắc, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức; không chấp trước mắt cho đến ý; không chấp trước sắc cho đến pháp; không chấp trước nhãn thức cho đến không chấp trước ý thức; không chấp trước nhãn xúc cho đến không chấp trước ý xúc; không chấp trước nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, cho đến không chấp trước ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui; không chấp trước tánh hữu vi, không chấp trước tánh vô vi; không chấp trước Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật; không chấp trước Ba mươi hai tướng, không chấp trước thân Bồ-tát, không chấp trước nhục nhãn Bồ-tát, không chấp trước Phật nhãn; không chấp trước

Trí Ba-la-mật, không chấp trước Thần thông Ba-la-mật, không chấp trước nội không cho đến không chấp trước vô pháp hữu pháp không, không chấp trước thành tựu chúng sinh, không chấp trước nghiêm tịnh Phật độ, không chấp trước pháp phương tiện. Vì cố sao? Vì các pháp ấy, không có người chấp trước, không có pháp chấp trước, không có chỗ chấp trước, vì đều không có.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, không chấp trước hết thảy pháp, bèn tăng ích Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, vào Bồ-tát vị, được địa vị bất thối, đầy đủ Bồ-tát thần thông, dạo qua một nước Phật đến một nước Phật, thành tựu chúng sinh, cung kính tôn trọng, tán thán chư Phật, vì nghiêm tịnh Phật độ, vì thấy chư Phật để cúng dường, đồ cúng dường thành tựu thiện căn, đều được tùy ý. Cũng nghe chư Phật thuyết pháp, nghe rồi cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không quên mất, được các môn Đà-la-ni, các môn Tam-muội.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên biết các pháp là tên giả đặt ra.

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc là Bồ-tát chăng; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là Bồ-tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Sắc, tiếng, mùi, vị, pháp là Bồ-tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Nhân thức cho đến ý thức là Bồ-tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Địa chủng là Bồ-tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Nước, lửa, gió, không, thức chủng là Bồ-tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Vô minh là Bồ-tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Cho đến già chết là Bồ-tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Là sắc là Bồ-tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Tưởng sắc như là Bồ-tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Cho đến tướng lão tử như là Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Là tướng sắc như cho đến lia tướng lão tử như là Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông quán xét nghĩa thế nào mà nói sắc chẳng phải Bồ-tát, cho đến lão tử chẳng phải Bồ-tát? Là sắc chẳng phải Bồ-tát, cho đến lia lão tử chẳng phải Bồ-tát? Tướng sắc như chẳng phải Bồ-tát, cho đến tướng lão tử như chẳng phải Bồ-tát? Là tướng sắc như chẳng phải Bồ-tát cho đến lia tướng lão tử như chẳng phải Bồ-tát?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng sinh rất ráo không thể có được, huống gì là Bồ-tát! Sắc không thể có được, huống gì là sắc, lia sắc, sắc như, lia sắc như là Bồ-tát! Cho đến lão tử không thể có được, huống gì là lão tử, lia lão tử, lão tử như, lia lão tử như là Bồ-tát!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay! Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nên học như vậy, vì chúng sinh không thể có được nên Bát-nhã Ba-la-mật cũng không thể có được.

- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc thường là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức thường là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô thường là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức vô thường là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vui là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức vui là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc khổ là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức khổ là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc ngã là nghĩa Bồ-tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức ngã là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc phi ngã là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức phi ngã là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc không là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức không là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc phi không là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức phi không là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc tướng là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức tướng là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô tướng là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức vô tướng là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc tác là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức tác là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô tác là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức vô tác là nghĩa Bồ-tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn! Cho đến lão tử cũng như vậy.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ông quán xét nghĩa thế nào mà nói sắc chẳng phải nghĩa Bồ-tát; thọ, tướng, hành, thức chẳng phải nghĩa Bồ-tát; cho đến sắc, thọ, tướng, hành, thức vô tác chẳng phải nghĩa Bồ-tát, cho đến lão tử cũng như vậy?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Sắc rốt ráo không thể có được, huống gì vô sắc là nghĩa Bồ-tát; thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc thường rốt ráo không thể có được, huống gì sắc

vô thường là nghĩa Bồ-tát; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc vui rất ráo không thể có được, hưởng gì sắc khổ là nghĩa Bồ-tát; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc ngã rất ráo không thể có được, hưởng gì sắc phi ngã là nghĩa Bồ-tát; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc có rất ráo không thể có được, hưởng gì sắc Không là nghĩa Bồ-tát; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc tướng rất ráo không thể có được, hưởng gì sắc vô tướng là nghĩa Bồ-tát; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc tác là rất ráo không thể có được, hưởng gì sắc vô tác là nghĩa Bồ-tát; cho đến thức cũng như vậy.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Lành thay, lành thay! Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, nghĩa sắc không thể có được; nghĩa thọ, tưởng, hành, thức cho đến nghĩa vô tác không thể có được, nên học Bát-nhã Ba-la-mật như vậy.

Tu-bồ-đề! Ông nói con không thấy pháp gọi là Bồ-tát. Tu-bồ-đề! Các pháp không thấy các pháp, các pháp không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy các pháp; pháp tánh không thấy địa chủng, địa chủng không thấy pháp tánh, cho đến thức chủng không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy thức chủng, pháp tánh không thấy tánh mắt, sắc, nhãn thức; tánh mắt, sắc, nhãn thức không thấy pháp tánh, cho đến pháp tánh không thấy tánh ý, pháp, ý thức; tánh ý, pháp, ý thức không thấy pháp tánh.

Tu-bồ-đề! Tánh hữu vi không thấy tánh vô vi, tánh vô vi không thấy tánh hữu vi. Vì cố sao? Vì lìa hữu vi không thể nói vô vi, lìa vô vi không thể nói hữu vi.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, đối với các pháp không thấy gì, khi ấy không kinh, không sợ, không hãi, tâm cũng không chìm đắm, không hối hận. Vì cố sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát ấy không thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không thấy mắt cho đến ý, không thấy sắc cho đến pháp, không thấy dâm, nộ, si; không thấy vô minh cho đến lão tử, không thấy ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy; không thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không thấy tâm Thanh-văn, tâm Bích-chi Phật; không thấy Bồ-tát, không thấy pháp Bồ-tát; không thấy Phật đạo. Bồ-tát ấy vì không thấy tất cả pháp, nên không kinh, không sợ, không hãi, không chìm đắm, không hối hận.

Tu-bồ-đề thưa Phật rằng; Bạch Thế Tôn! Nhân duyên gì tâm Bồ-tát không chìm đắm, không hối hận?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thấy tâm tâm số pháp của Bồ-tát ma-ha-tát là không thể có được, không thể thấy, nên tâm Bồ-tát ma-ha-tát không chìm đắm, không hối hận.

Bạch Thế Tôn! Làm sao tâm Bồ-tát không kinh, không sợ, không hãi?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát ấy, ý và ý giới không thể có được, không thể thấy, vì vậy nên không kinh, không sợ, không hãi. Như vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đối với hết thấy pháp, không thể có được nên hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát trong tất cả hành xứ không thủ đắc Bát-nhã Ba-la-mật, không thủ đắc danh tự Bồ-tát, cũng không thủ đắc tâm Bồ-tát, tức là dạy Bồ-tát ma-ha-tát.

LUẬN: Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, quán danh tự sắc pháp chẳng phải thường chẳng phải vô thường, cho đến nơi tánh hữu vi vô vi không thấy có Bồ-tát, danh tự Bồ-tát. Như trước nói, đối với hết thấy pháp không khởi ức tưởng phân biệt. Bồ-tát trụ trong pháp bất hoại, thực hành Sáu Ba-la-mật cho đến Mười tám pháp không chung, dùng trí tuệ biết thật tướng các pháp, tìm trong các pháp không thấy pháp nhất định gọi là Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không thấy danh tự Bát-nhã Ba-la-mật, lại không thấy Bồ-tát và danh tự Bồ-tát. Dùng trí tuệ ấy phá các phiền não vô minh v. v... dùng các không thấy, và trí tuệ cũng không thấy ấy phá tâm chấp trước Bát-nhã Ba-la-mật, danh tự Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, thông đạt vô ngại thật tướng thanh tịnh của các pháp. Bồ-tát được trí tuệ như vậy, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghĩ đều như huyễn hóa; hoặc nghe, thấy, nghĩ, đều là hư dối, vì vậy nên không chấp trước sắc v. v... Trụ trong trí tuệ vô ngại ấy, tăng ích Sáu Ba-la-mật, vào Bồ-tát vị, được các lợi ích như vậy.

Chương này, Phật tự dạy Bồ-tát quán sát như vậy.

Tiếp chương sau, có người cho rằng Phật phần nhiều nói pháp Không nên trở lại hỏi Tu-bồ-đề: Nếu các pháp chẳng không, thì có thể có một pháp nhất định là Bồ-tát chăng? Nghĩa là sắc là Bồ-tát chăng? Cho đến như như là Bồ-tát chăng?

Tu-bồ-đề nghĩ rằng: Các pháp hòa hợp nên có Bồ-tát, ta làm sao nói có một pháp nhất định là Bồ-tát? Vì vậy nên nói: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Vì Tu-bồ-đề khéo chứng đắc chúng sinh không, nên Phật dạy: Lành thay, lành thay! Bồ-tát biết chúng sinh không, không thể có được, cần nên thực hành Bát-nhã Ba-la-mật. Sắc là nghĩa Bồ-tát, cho đến vô tác

rốt ráo không cũng như vậy.

Tu-bồ-đề vào trong các pháp Không sâu xa, không nghi hoặc nên có thể lợi ích cho các Bồ-tát. Cho nên Phật tán thán: Lành thay, lành thay! Phép của Bồ-tát là phải học Bát-nhã Ba-la-mật, hết thấy pháp Không, không thể có được.

Tu-bồ-đề nói: Con không thấy pháp nào gọi là Bồ-tát.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ riêng Bồ-tát không thể thấy mà hoàn toàn không có pháp thấy pháp; pháp tánh vô lượng không thể thấy, thế nên các pháp không thấy pháp tánh. Các pháp do nhân duyên hòa hợp sinh, không có tự tánh, rốt ráo không, nên pháp tánh không thấy các pháp, sắc tánh không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy sắc tánh, cho nên thức tánh cũng như vậy. Năm uẩn tánh cùng pháp tánh đồng danh nên gọi là tánh. Mười hai xứ, Mười tám giới, pháp hữu vi, pháp vô vi cũng như vậy. Lược nói nhân duyên: Lìa tánh hữu vi không nói được tánh vô vi, lìa tánh vô vi không nói được tánh hữu vi, vì trong hai pháp ấy bao gồm hết thấy pháp.

Bồ-tát ấy tuy không thấy hết thấy pháp, cũng không sợ hãi. Vì cố sao? Vì có chỗ thấy, có chỗ không thấy thì có sợ hãi, nếu hoàn toàn không thấy gì thì không sợ hãi. Đó là năm uẩn cho đến mười tám pháp không chung.

Hỏi: Nếu Phật đã nói nhân duyên không sợ hãi, sao Tu-bồ-đề còn hỏi lại?

Đáp: Tu-bồ-đề nếu bảo các pháp hoàn toàn không, không có gì thì sợ đọa vào tà kiến. Vì cố sao? Vì đệ tử Phật do được chánh kiến nên gọi là người hành đạo, làm sao nói hoàn toàn không thấy gì? Phật biết tâm Tu-bồ-đề cho nên nói hết thấy tâm tâm số pháp không thể có được, không thể thấy, nên không sợ. Người phàm phu muốn vào trong Không, thấy tâm tâm số pháp có thể có được, còn ngoại pháp không thể có được, nên sợ hãi. Còn Bồ-tát cho tâm tâm số pháp là hư dối không thật, quả báo điên đảo, không thể chỉ cho người thật sự, nên không sợ hãi. Do nghĩa ấy khác nhau cho nên còn hỏi lại.

Hỏi: Nếu như vậy, cố sao còn có câu hỏi thứ ba?

Đáp: Tâm tâm số pháp có thể thấy được ở trong ý thức; ý và ý thức là cội gốc của tâm tâm số pháp. Vì cố sao? Vì trong ý thức phân biệt nhiều, nên sinh sợ hãi, còn năm thức thời khắc quá ngắn không phân biệt được gì. Muốn phá cội gốc sợ hãi cho nên còn hỏi lại, không lỗi. Nếu Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật được như vậy, thì tuy không thấy bốn việc là: Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, Bát-nhã Ba-la-mật, danh tự

Bát-nhã Ba-la-mật, nhưng có thể do ba nhân duyên, nên không sợ, tức là dạy cho Bồ-tát Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc chỉ liễu giải tướng Bát-nhã Ba-la-mật ấy là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Không từ mười phương cầu, cũng không ai cho, cũng chẳng phải như vàng bạc, vật báu, ra sức cầu mới được.

-----o0o-----